TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS - PT
Ngày: 28/2/2020
V/ v tranh chấp QSD đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Anh Dân
- Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và Bà Dương Thị Liên.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Nguyễn Tuyết Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 2 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2019/DS - PT ngày 05/12/2019 về việc tranh chấp QSD đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST, ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân thành phố Thái Nguyên có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐ - PT ngày 02/01/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1961; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Ông Bùi Tiến T, sinh năm 1982; (Có mặt)

Địa chỉ: xóm NH, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND thành phố TN.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 - Chức vụ: Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố TN.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố TN

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc B - Chức vụ: Phó trưởng phòng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố TN

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.3. Công ty Điện lực TN - Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Hoàng D – Chức vụ: Giám đốc Công ty Điện lực TN. (vắng mặt)

3.4. Nhà máy Z115 – Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân H1 - Chức vụ: Phó giám đốc Nhà máy Z115 – Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

3.5. VP CC số 1 tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật: Ông Lương Hữu P - Chức vụ Trưởng phòng.

3.6. Ông Lê Phan S (Chồng bà H). (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị H, khởi kiện ông Bùi Tiến T về việc buộc ông Bùi Tiến Ttrả 8,1 m^2 đất cho gia đình bà lấy lối đi để vào thửa đất của gia đình bà và trả chiều sâu đất tiếp giáp giữa đất của gia đình bà với đất của gia đình ông Tlà 0,14 $m^{2.}$. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T với phần đất tranh chấp.

Về nguồn gốc đất, bà H trình bày: Năm 1996 bà mua của chị Đỗ Tuyết M (là con gái bà Nguyễn Thị H2), địa chỉ tại xóm NH, xã QT, TP TN thửa đất số 269, tờ bản đồ 26, diện tích 78 m^2 loại đất thổ cư, đến năm 2001, UBND thành phố TN đã cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất này. Phía trước mảnh đất của gia đình bà là tiếp giáp đường Z 115 là có 1 phần diện tích 8,1m^2 là của ông Th đã được bán cho bà H2, sau đó bà H2 cho con gái là chị Đỗ Tuyết M, chị M bán lại cho bà có giấy viết tay do hai bên tự thỏa thuận có sự chứng kiến của trưởng xóm và UBND xã QT (trước là xã TĐ) xác nhận. Năm 2001, khi bà làm thủ tục cấp GCNQSD đất thì địa chính xã QT cho biết trừ 9,75m từ tim đường vào và 3m vào chiều sâu đất của bà là hành lang đường điện nên không cho vào bìa đỏ bà cũng đồng ý, lúc đó bà có ký giáp ranh với các hộ xung quanh.

Năm 2012 ông Bùi Tiến T mua đất của ông Nguyễn Mậu H3 và bà Nhâm Thị H4, không ký giáp ranh mà chỉ qua VPCC số 1 tỉnh Thái Nguyên, nên lối vào thửa đất của gia đình bà đã cấp vào GCNQSD đất của ông T, diện tích này cũng nằm dưới hành lang lưới điện, là phần bà mua của chị H2 (Khi bà làm bìa đỏ UBND xã đã trừ 3m hành lang lưới điện). Đồng thời ông T còn lấn sang chiều sâu đất tiếp giáp giữa đất của gia đình bà với đất của gia đình ông T là 10 cm x 18 m = 1,8 $m^{2.}$

Bị đơn, ông Bùi Tiến T trình bày: Năm 2012 ông mua đất của vợ chồng ông Nguyễn Mậu H3 và bà Nhâm Thị H4 thửa đất số 470, tờ bản đồ số 8, diện tích 462 m^2, trong đó đất thổ cư là 200m^2, đất trồng cây lâu năm 262m^2. Việc mua bán giữa ông và vợ chồng ông H4, bà H3 đã được công chứng tại VPCC số 1, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi mua bán, ngày 28/12/2012 ông đã được do UBND

thành phố TN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BM 126367 mang tên Bùi Tiến T. Phần diện tích 8,1 m^2, bà H tranh chấp là nằm trong GCNQSD đất của ông, việc mua bán của ông với vợ chồng ông H3, bà H4 là hợp pháp, do vậy ông không nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà H về 8,1 m^2.

Đối với yêu cầu của bà Hợi kiện đòi chiều sâu đất tiếp giáp giữa đất của gia đình bà Hvới đất của gia đình ông là 10 cm x 18 m = 1,8 m^2. Hiện nay bà H đã xây tạm hàng gạch xỉ ngăn cách đất hai bên gia đình, ông không lấn chiếm đất của bà H nên ông xác định ông không tranh chấp.

Đại diện Nhà máy Z115 trình bày**:** Năm 1989 nhà máy Z115 thi công đường dây 6 KV - ĐDK 671 từ trạm trung gian Đ vào nhà máy Z115, từ cột số 1 đến cột 38 với tổng chiều dài là 2.727 mét. Trong đó có đoạn chạy qua diện tích đất tranh chấp giữa hai gia đình bây giờ.

Đại diện của Công ty điện lực TN - Tổng Công ty điện lực Miền Bắc, trình bày: Năm 1989 nhà máy Z115 thi công đường dây 6 KV - ĐDK 671 từ trạm trung gian Đ vào nhà máy Z115, từ cột số 1 đến cột 38 với tổng chiều dài là 2.727 mét. Đến năm 2005 nhà máy Z115 đã bàn giao tuyến đường dây 6 KV - ĐDK 671 cho Công ty Điện lực TN quản lý theo Quyết định số 507/QĐ- UBND ngày 01/4/2005 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Năm 2006, để nâng cao chất lượng sử dụng điện, Công ty Điện lực TN đã đầu tư nâng cấp đường dây từ 6 KV lên 22 KV trên hiện trạng của hành lang lưới điện 6KV. Theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ- CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ thì việc cấp GCNQSD đất cho ông Bùi Tiến T đã vi phạm hành lang bảo vệ công trình điện cao áp.

Người đại diện của UBND thành phố TN, trình bày: Ngày 28/12/2012 UBND thành phố TNcấp GCNQSD đất mang tên Bùi Tiến T số BM 126367 cấp ngày 28/12/2012. Vị trí là thửa đất số 470, tờ bản đồ số 8, diện tích 462 m2. Trong đó có là 200m^2 đất ở nông thôn và 262m^2 là đất trồng cây lâu năm thuộc xã QT, thành phố TN. Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên là ông Bùi Tiến T và ông Nguyễn Mậu H3, bà Nhâm Thị H4 đã được phòng công chứng số 1 tỉnh Thái Nguyên chứng thực hợp đồng. UBND thành phố TN không biết các đương sự thỏa thuận về việc mua bán và lập hợp đồng chuyển nhượng cho nhau tại VPCC số 1 tỉnh Thái Nguyên cần phải có những tài liệu gì. Khi làm thủ tục cấp GCNQSD đất UBND thành phố Thái Nguyên không nhận được đơn đề nghị tạm dừng việc cấp GCNQSD đất nào của đương sự vì vậy UBND thành phố TN đã thực hiện đúng quy trình cấp GCNQSD đất cho ông Bùi Tiến T.

Do các bên khi làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất cho nhau không ra UBND xã để đối soát vị trí thửa đất mà trực tiếp ra VPCC số 1 tỉnh Thái Nguyên thực hiện. Nay các đương sự có tranh chấp về QSD đất đang được TAND thành phố TN thụ lý giải quyết phía bà Hoàng Thị H có yêu cầu hủy 1 phần GCNQSD

đất đã cấp cho ông Bùi Tiến T quan điểm của UBND thành phố TN là không ra Quyết định thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho ông T. Nếu việc xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại các cơ quan có thẩm quyền xác định là có căn cứ vi phạm trong việc cấp GCNQSD đất cho ông Bùi Tiến T, đề nghị Tòa án hủy GCNQSD đất có vi phạm đó theo quy định của pháp luật, sau khi có bản án quyết định của Tòa án, các đương sự làm thủ tục cấp lại GCNQSD đất lúc dó bộ phận 1 cửa UBND thành phố sẽ tiếp nhận hồ sơ, xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố TN, trình bày:

- Về Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất được các bên thực hiện tại VPCC số 1 tỉnh Thái Nguyên, các bên mua và bán có giao nhận mốc giới sử dụng đất ngoài thực địa hay không thì Văn phòng đăng ký QSD đất- phòng Tài Nguyên và Môi trường không được tham gia và chứng kiến.

- Tại thời điểm thực hiện các thủ tục cấp GCNQSD đất cho ông Bùi Tiến T, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai không nhận được đơn thư đề nghị nào của các đương sự về việc dừng các thủ tục cấp GCNQSD đất.

- Về thủ tục chuyển nhượng QSD đất, các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính với nhà nước, đã được UBND thành phố TN cấp GCNQSD đất số BM 126367 ngày 28/12/2012 theo đúng thủ tục quy định.

Nay các đương sự có tranh chấp QSD đất, bà H khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố TN, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố đề nghị TAND thành phố xem xét việc cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Mậu H3, bà Nhâm Thị H4 và ông Bùi Tiến T làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà H thì đề nghị Tòa án là cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về việc cung cấp hồ sơ chuyển nhượng đất lần đầu của thửa đất số 470, tờ bản đồ số 8, diện tích 462 m^2. Trong đó có là 200m^2 đất ở nông thôn và 262m^2 là đất trồng cây lâu năm thuộc xã QT, thành phố TN.

Sau khi nhận bàn giao từ phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố TN về Văn phòng đăng ký đất đai thành phố TN thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên, qua kiểm tra kho lưu trữ hồ sơ thửa đất số 470, tờ bản đồ số 8, diện tích 462 m^2 được UBND thành phố TN cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BA 507945 ngày 10/6/2010 cho ông Nguyễn Mậu H3, bà Nhâm Thị H4 còn sổ địa chính, sổ cấp GCNQSD đất (có bản photo kèm theo) có ghi: Nguồn gốc sử dụng: " Nhận QSD đất do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 462 m^2 ". Ngoài ra không còn tài liệu nào khác.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử, tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST, ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân thành phố TN đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 04/7/2012 giữa bên chuyển nhượng: ông Nguyễn Mậu H3, bà Nhâm Thị H4 với bên nhận chuyển nhượng: Bùi Tiến T do VPCC số 1 tỉnh Thái Nguyên công chứng.

Vị trí đất là thửa đất số 470, tờ bản đồ số 8 diện tích đất tranh chấp là 462 m^2; trong đó có: 200 m^2 đất ở đô thị và 262 m^2 đất trồng cây lâu năm.

Buộc anh Bùi Tiến T phải trả diện tích 8,1 m^2 đất trồng cây lâu năm là lối đi vào thửa đất số 269 tờ bản đồ số 26 của hộ ông bà Hoàng Thị H .

(Theo sơ đồ trích đo hiện trạng do Công ty TNHH Tài Nguyên Môi trường TĐ đo vẽ năm 2016 kèm theo)

Buộc anh Bùi Tiến T phải trả hộ bà Hoàng Thị H 0,14 m^2 đất ở tiếp giáp giữa đất của anh Tvà đất của bà H tại thửa 269 tờ bản đồ số 26 của hộ ông bà Hoàng Thị H. (Theo sơ đồ trích đo hiện trạng do Công ty TNHH Tài Nguyên Môi trường TĐ đo vẽ năm 2016)

Kiến nghị UBND thành phố TN thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất số BM 126367 do UBND thành phố TN cấp ngày 28/12/2012 mang ông Bùi Tiến T. Vị trí đất là thửa đất số 470, tờ bản đồ số 8, diện tích 462 m^2; trong đó có: 200 m^2 đất ở đô thị và 262 m^2 đất trồng cây lâu năm để cấp lại theo diện tích sử dụng thực tế. Lý do cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Mậu H3, bà Nhâm Thị H4 và cấp GCNQSD đất cho ông Bùi Tiến T trên cơ sở của hợp đồng dân sự vô hiệu do vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

- Ông Bùi Tiến T có trách nhiệm liên hệ với Phòng Tài Nguyên Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố TN để được hướng dẫn làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định Luật Đất đai 2013.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: do giao dịch dân sự giữa ông Nguyễn Mậu H3, bà Nhâm Thị H4 lập hợp đồng chuyển nhượng QSD đất với người chuyển nhượng vào năm 2010 (hiện không rõ họ tên và địa chỉ ở đâu) và ông Nguyễn Mậu H3, bà Nhâm Thị H4 lập hợp đồng chuyển nhượng QSD đất cho anh Bùi Tiến T vào năm 2012 do vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Giao dịch này là trái pháp luật nên các bên ông H3, bà H4, anh T phải tự chịu thiệt hại về việc đã nhận chuyển nhượng đất đó (hiện không rõ địa chỉ nơi ở của ông H3, bà H4).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án, lệ phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/9/2019, bị đơn anh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể việc hủy hợp đồng mua bán giữa anh và vợ chồng ông H3, bà H4 năm 2012 là không đúng quy định của pháp luật. Diện tích đất 8,1m^2 bà H khởi kiện đã nằm trong GCNQSD đất của gia đình anh nên anh không nhất trí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu , chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà , căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện VKS phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn anh Bùi Tiến T làm trong hạn luật định đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét các nội dung kháng cáo của bị đơn anh T. Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về diện tích đất tranh chấp 8,1m^2, nguyên đơn bà H khai mua của chị Mnăm 1996 đến năm 2001 khi làm thủ tục cấp GCNQSD đất, cơ quan cấp đất đã trừ 9,75m tính từ tim đường vào và 3m vào chiều sâu đất của bà là hành lang đường điện nên không cấp vào GCNQSD đất của gia đình bà, diện tích đất này nằm hoàn toàn dưới hành lang điện cao thế.

Bị đơn ông T khai: Nguồn gốc diện tích đất của gia đình anh hiện đang sử dụng trong đó có diện tích đất 8,1m^2, bà H đang tranh chấp, là ông mua đất của vợ chồng ông Nguyễn Mậu H3 và bà Nhâm Thị H4năm 2012, thửa đất số 470, tờ bản đồ số 8, diện tích 462 m^2 (trong đó đất thổ cư là 200m^2, đất trồng cây lâu năm 262m^2), sau khi mua bán ông đã được UBND thành phố TN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BM 126367 ngày 28/12/2012 mang tên Bùi Tiến T.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ và đối soát trên bản đồ địa chính diện tích đất tranh chấp 8,1m^2 nằm trong tổng diện tích 462 m^2, thuộc thửa 470, tờ bản đồ số 8, ông Tđã được GCNQSD đất năm 2012, trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T và vợ chồng ông H3, bà H4. Tuy nhiên việc cấp GCNQSD đất cho ông T đối với phần diện tích 8,1m^2 đang tranh chấp không đúng thực tế hiện trang sử dụng, bởi lẽ toàn bộ diện tích đất này nằm trong lộ giới đường và dưới hành lang điện cao thế, và là lối đi vào thửa đất số 269, tờ bản đồ 26, diện tích 78 m^2 của gia đình bà H, phần đất này theo bà H khai là mua của chị M năm 1996, nhưng năm 2001, khi gia đình bà làm thủ tục cấp GCNQSD đất, do trừ lộ giới đường và hành lang đường điện cao thế nên không được cấp.

Tòa sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc anh T phải trả lại diện tích 8,1m^2 đất là lối đi vào thửa 269 của gia đình bà H là có căn cứ. Tuy nhiên Tòa sơ thẩm quyết định: *"... Hủy hợp đồng chuyển nhượng*

quyền sử dụng đất ký ngày 04/7/2012 giữa bên chuyển nhượng: ông Nguyễn Mậu H3, bà Nhâm Thị H4 với bên nhận chuyển nhượng: Bùi Tiến T do VPCC số 1 tỉnh Thái Nguyên công chứng. Vị trí đất là thửa đất số 470, tờ bản đồ số 8 diện tích đất tranh chấp là 462 m^2; trong đó có: 200 m^2 đất ở đô thị và 262 m^2 đất trồng cây lâu năm....

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: do giao dịch dân sự giữa ông Nguyễn Mậu H3, bà Nhâm Thị H4 lập hợp đồng chuyển nhượng QSD đất với người chuyển nhượng vào năm 2010 (hiện không rõ họ tên và địa chỉ ở đâu) và ông Nguyễn Mậu H3, bà Nhâm Thị H4 lập hợp đồng chuyển nhượng QSD đất cho anh Bùi Tiến T vào năm 2012 do vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Giao dịch này là trái pháp luật nên các bên ông H3, bà H4, anh T phải tự chịu thiệt hại về việc đã nhận chuyển nhượng đất đó (hiện không rõ địa chỉ nơi ở của ông H3, bà H4)...”, là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Do vậy chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh T, sửa án sơ thẩm về phần này. Đối với diện tích tranh chấp 1,4m^2 các bên không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T bà H có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giảm trừ diện tích, chỉnh lý bản đồ và đăng ký biến động về đất đai đối với diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T theo Điều 84 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh Thành, sửa án sơ thẩm về phần tuyênn hủy hợp đồng mua bán của ông T và vợ chồng ông H3, bà H4.

Từ sự phân tích trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308/BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Bùi Tiến T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng Điều 105, 106, 107, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Nghị định 54/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 cuả TAND Tối cao giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị H.

1. Buộc anh Bùi Tiến T phải trả lại diện tích 8,1 m^2 đất trồng cây lâu năm là lối đi vào thửa đất số 269, tờ bản đồ số 26 của hộ bà Hoàng Thị H .

Vị trí như sau:

- Từ điểm D đến điểm E = 7,79 m;
- Từ điểm E đến điểm F = 7,62 m;
- Từ điểm F đến điểm D = 2,10 m;

(theo sơ đồ trích đo hiện trạng do Công ty TNHH Tài Nguyên Môi trường TĐ đo vẽ năm 2016 kèm theo).

2. Ông Bùi Tiến T, bà Hoàng Thị H có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chỉnh lý bản đồ, đăng ký biến động về đất đai, điều chỉnh giảm diện tích 8,1m^2 đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 12636, UBND thành phố TN cấp ngày 28/12/2012 mang ông Bùi Tiến T.

3. Buộc anh Bùi Tiến T phải trả gia đình bà Hoàng Thị H 0,14 m^2 đất ở tiếp giáp giữa đất của anh T và đất của bà H tại thửa 269, tờ bản đồ số 26 của hộ bà Hoàng Thị H .

Vị trí như sau:

- Từ điểm A đến điểm B = 3, 95 m;
- Từ điểm A đến điểm C = 3,95 m;
- Từ điểm B đến điểm C = 0,08 m;

(Theo sơ đồ trích đo hiện trạng do Công ty TNHH Tài Nguyên Môi trường TĐ đo vẽ năm 2016)

4. Về chi phí thẩm định và định giá**:** Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, bà H đã chi phí xong .

5. Án phí**:**

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Tiến T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại bà Hoàng Thị H 742.500đ (Bảy trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0005751 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

5.2. Án phí phúc thẩm: Ông Bùi Tiến T không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại 300.000đ dự phí đã nộp, theo biên lai thu số 0002301 ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP TN;
- THADS TP TN;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Anh Dân